

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ~~2869~~ UBND-KT
V/v tổ chức đánh giá
giữa kỳ Chương trình
mục tiêu quốc gia
Giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2016 - 2020

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 5 năm 2018

TƯ CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 4240
	Ngày: 23.5.18
	Chuyển:

Kính gửi: Thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình
mục tiêu quốc gia tỉnh giai đoạn 2016 - 2020

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 1749/BLĐTBXH-VPQGGN ngày 10/5/2018 về việc tổ chức đánh giá giữa kỳ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và kết quả rà, soát tích hợp hệ thống chính sách giảm nghèo; Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tổ chức đánh giá giữa kỳ Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND tỉnh (viết tắt là *Chương trình giảm nghèo*) và Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020 (viết tắt là *Nghị quyết 76*), như sau:

1. Mục đích

- Đánh giá giữa kỳ những kết quả đạt được so với tiến độ, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra trong Chương trình giảm nghèo và kết quả rà soát, tích hợp hệ thống chính sách giảm nghèo theo Nghị quyết 76;
- Phân tích những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế đó trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình giảm nghèo và các chính sách giảm nghèo chung;
- Đề xuất, kiến nghị về việc hoàn thiện cơ chế, chính sách giảm nghèo; giải pháp huy động, bố trí và sử dụng nguồn lực; giải pháp chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện mục tiêu giảm nghèo từ nay đến năm 2020;
- Qua đánh giá giữa kỳ, đề xuất hướng sửa đổi, bổ sung chiều, chỉ số đo lường nghèo đa chiều cho giai đoạn tiếp theo nhằm phản ánh tốt hơn thực trạng nghèo, hướng tác động nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

2. Yêu cầu

- Đánh giá giữa kỳ được thực hiện trong phạm vi toàn tỉnh; được tổ chức thực hiện từ cơ sở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã) trở lên, có sự tham gia của người dân;

- Đánh giá giữa kỳ bao gồm đánh giá của các Sở, ngành được phân công nhiệm vụ thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, hoạt động của Chương trình giảm nghèo, các chính sách giảm nghèo chung, đánh giá của các cấp chính quyền địa phương trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo thông qua Chương trình giảm nghèo;

- Đánh giá tổng thể bao gồm: Đánh giá thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, hoạt động thuộc Chương trình giảm nghèo, chính sách giảm nghèo chung; đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo và hiệu quả tác động tới đối tượng thụ hưởng; đánh giá thực hiện các chính sách giảm nghèo và tiến độ rà soát sửa đổi hệ thống chính sách giảm nghèo hiện hành;

- Qua đánh giá giữa kỳ, cần rút ra những kiến nghị, đề xuất giải pháp thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020 và cho giai đoạn tiếp theo.

3. Nội dung đánh giá

a) Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết 76

- Kết quả triển khai thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định 2324/QĐ-TTg ngày 19/12/2014 về việc ban hành kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020 và Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 22/8/2017 về việc ban hành kế hoạch rà soát tích hợp chính sách giảm nghèo giai đoạn 2017-2018, gồm:

+ Đánh giá thực trạng và nguyên nhân nghèo trên địa bàn;

+ Đánh giá kết quả xây dựng đề án, kế hoạch giảm nghèo trên địa bàn và bổ sung cơ chế, chính sách giảm nghèo đặc thù, giải pháp huy động nguồn lực để thực hiện;

+ Phân công, chỉ đạo, theo dõi thực hiện mục tiêu giảm nghèo trên địa bàn.

- Đánh giá kết quả thực hiện chính sách giảm nghèo chung:

+ Bố trí nguồn lực thực hiện chính sách giảm nghèo thể hiện: Mức độ đầy đủ và kịp thời so với nhu cầu thực hiện; huy động từ các nguồn khác để thực hiện;

+ Sự vận dụng của địa phương trong việc ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù trên địa bàn;

+ Tuyên truyền, phổ biến chính sách tới đối tượng thụ hưởng;

+ Phân công trách nhiệm của các cấp, các ngành trong triển khai thực hiện;

+ Công tác tổ chức giám sát, kiểm tra của địa phương;

+ Kết quả thực hiện từng chính sách giảm nghèo trên địa bàn bao gồm: Kinh phí thực hiện; đối tượng thụ hưởng (người, hộ, xã, huyện).

b) Đánh giá giữa kỳ kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020

Trên cơ sở kết quả thực hiện Chương trình giảm nghèo, đánh giá các chỉ tiêu, mục tiêu theo **Mẫu số 03** kèm theo Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Tổ chức thực hiện

a) Đối với các sở, ban, ngành

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 và Quyết định số 05/QĐ-BCĐ ngày 10/10/2017 của Trưởng Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh giai đoạn 2016 - 2020, đánh giá các nội dung, mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình giảm nghèo, các hoạt động giảm nghèo, các chính sách giảm nghèo chung thuộc lĩnh vực ngành phụ trách, liên quan đến các nội dung tại **khoản 3** Công văn này.

- Tổng hợp số liệu có liên quan theo **Biểu mẫu 01, 02** đính kèm Công văn này. Riêng các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông và Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp số liệu theo **Biểu số 02** kèm theo Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Đối với UBND các huyện, thành phố

- Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện ngay việc rà soát, tổng hợp số liệu theo các **Biểu số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10** và báo cáo đánh giá theo **Mẫu số 03** kèm theo Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và nội dung tại **điểm a, khoản 3** Công văn này gửi về UBND cấp huyện.

- Chỉ đạo Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội và các phòng, ban liên quan tổng hợp, báo cáo đánh giá Chương trình giảm nghèo trên địa bàn theo **khoản 3** Công văn này gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp.

5. Thời gian thực hiện

- UBND cấp xã tổ chức đánh giá kết quả trên địa bàn và báo cáo nội dung đánh giá cho UBND huyện **trước ngày 20/6/2018**.

- UBND các huyện, thành phố tổ chức đánh giá **trước ngày 30/6/2018**; tổng hợp báo cáo đánh giá gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội **trước ngày 10/7/2018**.

- Các sở, ban, ngành báo cáo đánh giá gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội **trước ngày 10/7/2018**.

- Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

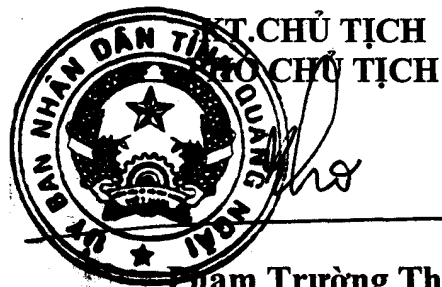
+ Tham mưu UBND tỉnh tổ chức đánh giá giữa kỳ Chương trình giảm nghèo **trong tháng 8/2018**.

+ Tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo sơ bộ đánh giá giữa kỳ cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành liên quan **trước ngày 15/9/2018** và báo cáo chính thức **trước ngày 15/11/2018**;

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành và địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(KT), TH, CBTH;
- Lưu VT, KT.toan84



PHỤ LỤC
TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO CHUNG

TT	Chính sách	ĐVT	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm
1	Chính sách tín dụng ưu đãi							
1.1	Cho vay hộ nghèo (NĐ 78/2002/NĐ-CP)							
	Số lượt hộ nghèo được vay vốn trong kỳ	Lượt hộ						
	Tổng doanh số cho vay trong kỳ	Triệu đồng						
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng						
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng						
	Tổng số hộ dư nợ đến cuối kỳ	Hộ						
	Tổng số dư nợ đến cuối kỳ (cho vay hộ nghèo)	Triệu đồng						
1.2	Cho vay hộ cận nghèo							
	Số lượt hộ nghèo được vay vốn trong kỳ	Lượt hộ						
	Tổng doanh số cho vay trong kỳ	Triệu đồng						
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng						
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng						
	Tổng số hộ dư nợ đến cuối kỳ	Hộ						
	Tổng số dư nợ đến cuối kỳ (cho vay hộ nghèo)	Triệu đồng						
1.3	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn							
	Số lượt hộ nghèo được vay vốn trong kỳ	Lượt hộ						
	Tổng doanh số cho vay trong kỳ	Triệu đồng						
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng						
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng						
	Tổng số hộ dư nợ đến cuối kỳ	Hộ						
	Tổng số dư nợ đến cuối kỳ (cho vay hộ nghèo)	Triệu đồng						
1.4	Cho vay đối tượng đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài							
	Số lượt hộ nghèo được vay vốn trong kỳ	Lượt hộ						
	Tổng doanh số cho vay trong kỳ	Triệu đồng						
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng						
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng						

TT	Chính sách	ĐVT	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm
	Tổng số hộ dư nợ đến cuối kỳ	Hộ						
	Tổng số dư nợ đến cuối kỳ (cho vay hộ nghèo)	Triệu đồng						
1.5	Cho vay Chương trình nước sạch VSMT nông thôn							
	Số lượt hộ nghèo được vay vốn trong kỳ	Lượt hộ						
	Tổng doanh số cho vay trong kỳ	Triệu đồng						
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng						
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng						
	Tổng số hộ dư nợ đến cuối kỳ	Hộ						
	Tổng số dư nợ đến cuối kỳ (cho vay hộ nghèo)	Triệu đồng						
1.6	Cho vay hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn (theo Quyết định số 31)							
	Số lượt hộ nghèo được vay vốn trong kỳ	Lượt hộ						
	Tổng doanh số cho vay trong kỳ	Triệu đồng						
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng						
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng						
	Tổng số hộ dư nợ đến cuối kỳ	Hộ						
	Tổng số dư nợ đến cuối kỳ (cho vay hộ nghèo)	Triệu đồng						
1.7	Cho vay hộ đồng bào DTTS tại vùng khó khăn (theo Quyết định số 32)							
	Số lượt hộ nghèo được vay vốn trong kỳ	Lượt hộ						
	Tổng doanh số cho vay trong kỳ	Triệu đồng						
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng						
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng						
	Tổng số hộ dư nợ đến cuối kỳ	Hộ						
	Tổng số dư nợ đến cuối kỳ (cho vay hộ nghèo)	Triệu đồng						
1.8	Cho vay hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở (theo QĐ 33)							
	Số lượt hộ nghèo được vay vốn trong kỳ	Lượt hộ						
	Tổng doanh số cho vay trong kỳ	Triệu đồng						
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng						
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng						

TT	Chính sách	ĐVT	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm
	Tổng số hộ dư nợ đến cuối kỳ	Hộ						
	Tổng số dư nợ đến cuối kỳ (cho vay hộ nghèo)	Triệu đồng						
1.9	Cho vay hộ mới thoát nghèo (QĐ 28/2015)							
	Số lượt hộ nghèo được vay vốn trong kỳ	Lượt hộ						
	Tổng doanh số cho vay trong kỳ	Triệu đồng						
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng						
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng						
	Tổng số hộ dư nợ đến cuối kỳ	Hộ						
	Tổng số dư nợ đến cuối kỳ (cho vay hộ nghèo)	Triệu đồng						
2	Chính sách hỗ trợ làm nhà ở theo QĐ 33/2015/QĐ-TTg							
	Tổng kinh phí thực hiện	Triệu đồng						
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng						
	- Ngân sách Địa phương	Triệu đồng						
	- Nguồn vốn Huy động khác	Triệu đồng						
	- Nguồn vốn tín dụng	Triệu đồng						
	Tổng số hộ nghèo được hỗ trợ xây dựng nhà ở	Hộ						
3	Chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ học tập							
	1. Số học sinh được miễn giảm học phí	H.sinh						
	- Kinh phí	Triệu đồng						
	2. Số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập	H.sinh						
	- Kinh phí	Triệu đồng						
4	Chính sách mua bảo hiểm y tế cho người nghèo, người cận nghèo, DTTS và người sống ở xã ĐBK, huyện đảo							
	Tổng kinh phí thực hiện	Triệu đồng						
	- Ngân sách trung ương	Triệu đồng						
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng						
	- Đối tượng cấp thẻ	Người						
5	Chính sách dạy nghề cho người nghèo, người cận nghèo, người DTTS thuộc hộ nghèo, người nghèo ở xã, thôn, bản ĐBK thông qua đề án dạy nghề cho LĐNT							

TT	Chính sách	ĐVT	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm
	Số người nghèo, người cận nghèo, người DTTS thuộc hộ nghèo, người nghèo ở xã, thôn, bản ĐBKĐ được hỗ trợ học nghề	Người						
	Tổng kinh phí thực hiện	Triệu đồng						
	- Ngân sách trung ương	Triệu đồng						
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng						
	- Vốn huy động khác	Triệu đồng						
6	Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người DTTS							
	Tổng kinh phí thực hiện	Triệu đồng						
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng						
	- Ngân sách Địa phương	Triệu đồng						
	- Nguồn vốn huy động khác							
	Số đợt trợ giúp pháp lý lưu động về cơ sở	Đợt						
	Số lượt người nghèo, DTTS được trợ giúp pháp lý	Lượt người						
	Số lượt trợ giúp viên và cộng tác viên trợ giúp pháp lý được đào tạo, tập huấn	Lượt người						
7	Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội							
	- Ngân sách trung ương	Triệu đồng						
	- Số đối tượng được hỗ trợ	Người						
8	Trợ cấp bảo trợ xã hội theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP							
	- Ngân sách trung ương	Triệu đồng						
	- Số đối tượng được hỗ trợ	Người						
	Tổng cộng							

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Thực hiện đến tháng 6 năm 2018
1	Xã có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa theo tiêu chuẩn và theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải (184 xã)				
	- Số xã đạt theo tiêu chuẩn	Xã			
	- Tỷ lệ số xã đạt	%			
2	Thôn có đường trục giao thông được cứng hóa theo tiêu chuẩn và theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải				
	- Số thôn đạt tiêu chuẩn	Thôn			
	- Tỷ lệ số thôn đạt	%			
3	Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế				
	- Số xã đạt theo tiêu chuẩn	Xã			
	- Tỷ lệ số xã đạt	%			
4	Xã có Trạm y tế cấp xã có đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế				
	- Số xã đạt theo tiêu chuẩn	Xã			
	- Tỷ lệ số xã đạt	%			
5	Các công trình thủy lợi nhỏ được đầu tư đáp ứng nhu cầu tưới tiêu cho diện tích cây trồng hằng năm	%			
6	Đào tạo nghề và giáo dục định hướng cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số, trong đó từ 70 % -80% lao động đi làm việc ở nước ngoài.				
	- Số người đào tạo nghề và giáo dục định hướng	Người			
	Trong đó có người lao động đi nước ngoài	%			
7	Xã nghèo có điểm thông tin, tuyên truyền cổ động ngoài trời				
	- Số xã đạt theo tiêu chuẩn	Xã			
	- Tỷ lệ số xã đạt	%			
8	Huyện, xã có trang bị bộ phương tiện tác nghiệp tuyên truyền cổ động				

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Thực hiện đến tháng 6 năm 2018
	- Số huyện được trang bị	Huyện			
	- Số xã được trang bị	Xã			
9	Hộ gia đình được sử dụng nước hợp vệ sinh	%			
10	Hỗ trợ cho hộ nghèo dân tộc thiểu số phương tiện nghe-nhìn để xem các chương trình phát thanh truyền hình của Trung ương và địa phương	Hộ			